

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Kiều Phương

Ông Vũ Xuân Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Tô Thị O, sinh năm 1956 (vắng).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Tô Thị O quen biết, sau đó thì tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1974. Sau khi cưới vợ chồng chung sống từ đó đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Tô Thị O không chung thủy một vợ một chồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tô Thị O.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 người con chung tên Nguyễn Văn Khết, sinh năm 1975, Nguyễn Quốc Khanh, sinh năm 1977, Nguyễn Văn Vẹn, 45 tuổi,

Nguyễn Thị Nhân, 35 tuổi và Nguyễn Thị Tuyết Nga, 33 tuổi. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến, bị đơn là bà Tô Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Văn H, ông bà tự nguyện kết hôn, gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1974 và chung sống với nhau cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà đồng ý ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng rạn nứt.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 05 người con như ông H trình bày, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 23/9/2022 bà trình bày ý kiến yêu cầu ông H giao tài sản để lại cho người con trai lớn để bà lo tuổi về già.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Tô Thị O vắng mặt xét xử lần 02 không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có cơ sở.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Tô Thị O tự nguyện tìm hiểu có tình cảm và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1974 và chung sống cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*; tuy nhiên tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *“a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2011 quy định: *“... trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý*

vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”.

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông H và bà O có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình – là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2011 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, việc ông H và bà O tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông H cho rằng bà Tô Thị O không chung thủy, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay nên ông H yêu cầu ly hôn vì hôn nhân không còn hạnh phúc; bà Tô Thị O trình bày không ý kiến gì về việc ly hôn.

Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông H và bà Tô Thị O không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 05 người con chung tên Nguyễn Văn Khết, sinh năm 1975, Nguyễn Quốc Khanh, sinh năm 1977, Nguyễn Văn Vẹn, 45 tuổi, Nguyễn Thị Nhân, 35 tuổi và Nguyễn Thị Tuyết Nga, 33 tuổi. Các con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận với bà Tô Thị O. Ngày 23/9/2022, bà Tô Thị O có đơn yêu cầu ông H giao một phần tài sản cho con trai tên Nguyễn Văn Khết quản lý để lo tuổi già của bà Tô Thị O. Theo quy định, bà Tô Thị O có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà Tô Thị O không thực hiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trường hợp sau khi ly hôn, các đương sự có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2011; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H với bà Tô Thị O.
2. Về nuôi con: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.
4. Về án phí không giá ngạch: Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Lâm Hải, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh